

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 11 - 2018

V/v tranh chấp về thay đổi người

trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Đức Mậu.

2. Bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 tranh chấp về “*Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 7, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: Xóm 7, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Xóm 7, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Lê Văn N vào ngày 14/01/2008 tại UBND xã B, huyện B. Quá trình chung sống, chị và anh N sinh được 02 con chung là cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 08/11/2008 và cháu Lê Ngọc Bảo U, sinh ngày 05/7/2010. Sau đó, do vợ chồng mâu thuẫn nên vào tháng 10/2016 anh N làm đơn xin ly hôn chị, tại Bản án số 15/2016/HNGĐ-ST ngày 26/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam và Bản án số 02/2017/HNGĐ-PT ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã giao

cho anh N được quyền nuôi dưỡng cháu U; giao cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu K; anh chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh N đã có đơn đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện B thi hành bản án để giao cháu U cho anh N nuôi dưỡng, nhưng chị chưa đồng ý giao con cho anh N nuôi vì trong thời gian chờ Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét đơn đề nghị giám đốc thẩm của chị, bên cạnh đó cháu U bị bệnh tim bẩm sinh, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ; trong khi đó, kể từ sau khi ly hôn chị thì anh N đi làm ăn ở miền Nam, thỉnh thoảng mới về, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U là rất hạn chế. Do vậy, để cháu U được chăm sóc tốt hơn lúc ốm đau, đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu, chị xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu U.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Lê Văn N vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh N không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia tố tụng, tuy nhiên anh N đã nhiều lần gửi đơn đề nghị đến Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam và Tòa án nhân dân huyện B với nội dung anh không nhất trí để chị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo U, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của chị P, giữ nguyên như quyết định tại Bản án số 15/2016/HNGĐ-ST ngày 26/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án số 02/2017/HNGĐ-PT ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, giao cho anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu U.

Tại phiên tòa, chị P vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị P đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Lê Văn N không chấp hành quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là anh N không chấp hành giấy triệu tập, không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao cháu Lê Ngọc Bảo U, sinh ngày 05/7/2010 cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc. Về án phí dân sự sơ thẩm, anh N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Bảo U đối với anh Lê Văn N, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh N có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm 7, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn anh Lê Văn N: Mặc dù biết rõ Tòa án đã thụ lý và đang giải quyết vụ án nhưng cố tình không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia tố tụng tại Tòa án, thể hiện sự trốn tránh, không tôn trọng cơ quan tiến hành tố tụng cũng như ý thức coi thường pháp luật, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án; Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án cũng như lập biên bản về việc không chấp hành pháp luật của anh N. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn N.

[3] Chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn N có hai con chung là cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 08/11/2008 và cháu Lê Ngọc Bảo U, sinh ngày 05/7/2010. Trong quá trình giải quyết ly hôn, tại Bản án số 15/2016/HNGĐ-ST ngày 26/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện B và Bản án số 02/2017/HNGĐ-PT ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định giao cho anh N được quyền nuôi dưỡng cháu U, giao cho chị P được quyền nuôi dưỡng cháu K; anh chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị P không chấp hành việc giao con cho anh N nuôi dưỡng theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan Thi hành án dân sự huyện B là không tôn trọng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử cần phải nhắc nhở chị P về ý thức chấp hành pháp luật, phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, đề nghị giao cháu Lê Ngọc Bảo U cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2018, cháu Lê Ngọc Bảo U trình bày: Kể từ sau khi anh N và chị P ly hôn thì cháu không về sống cùng anh N mà vẫn ở với chị P, cuộc sống ổn định và được chị P chăm sóc chu đáo; đã từ lâu anh N không quan tâm đến cháu cũng không đến thăm cháu kể cả ở nhà cũng như ở trường học, mọi chi phí trong sinh hoạt hàng ngày cũng như trong học tập của cháu đều do chị P thực hiện. Chị P đã cho cháu đi khám ở Bệnh viện tại Hà Nội và bác sỹ đã chẩn đoán cháu bị bệnh tim bẩm sinh, sức khỏe của cháu rất yếu, nguyện vọng của cháu xin được ở với chị P.

- Tại Công văn số 407/BVYHN-KHTH ngày 10/5/2018 của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội xác định: Trong quá trình khám bệnh, cháu U được chuẩn đoán mắc bệnh “*Thông liên nhĩ kiểu lỗ thông thứ hai, luồng thông trái phải*”.

- Tại thông báo số 233/TB-CCTHADS ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B cho biết: Do cháu Lê Ngọc Bảo U hiện đang bị bệnh tim, sức khỏe và thể trạng của cháu không tốt, quá trình thi hành án thì cháu U không theo anh N nên việc thi hành bản án chưa đạt kết quả.

- Tại buổi làm việc với Toà án ngày 21/9/2018, đại diện trường Tiểu học xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam cũng xác định do sức khỏe của cháu U yếu nên chị P hay xin phép cho cháu nghỉ học để đi khám chữa bệnh; chị P cũng đã báo cáo với nhà trường việc cháu U bị bệnh tim và đề nghị nhà trường quan tâm, để ý đến cháu. Trong quá trình học tập ở trường, cháu U là học sinh ngoan, hàng năm đều đạt học sinh tiên tiến và được tặng giấy khen. Tuy nhiên do sức khỏe yếu, thường xuyên bị khó thở nên cháu không chơi đùa như những học sinh khác.

- Tại buổi làm việc với Toà án ngày 17/9/2018, chính quyền địa phương xã T đã xác định: Hiện tại chị P cùng cháu U, cháu K đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị P, cuộc sống rất ổn định; bên cạnh đó gia đình còn có nghề làm vàng mã từ lâu, hiện tại chị P làm vàng mã cùng bố mẹ đẻ, thu nhập ổn định; cháu U ở với chị P được chăm sóc rất chu đáo, cháu cũng đang học tập ổn định tại trường Tiểu học xã T.

- Tại buổi làm việc với Toà án ngày 12/9/2018, chính quyền địa phương xã B đã xác định: Anh N từ sau khi ly hôn chị P thường xuyên vắng mặt tại địa phương, anh N không làm thủ tục tạm vắng nên địa phương không biết anh N đi đâu, làm gì, thu nhập thế nào. Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, địa phương nhiều lần nhận được giấy triệu tập anh N đến Tòa án nhân dân huyện B để giải quyết việc chị P kiện thay đổi người trực tiếp nuôi cháu U sau khi ly hôn, nhưng do anh N không có mặt tại địa phương nên không giao được giấy triệu tập cho anh N.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2018 và ngày 21/9/2018 của bà Trần Thị S là mẹ đẻ của anh N cho biết: Hiện anh N đi làm ăn ở miền Nam, còn địa chỉ cụ thể của anh N như thế nào bà không biết, bà cũng đã thông báo qua điện thoại cho anh N về việc Tòa án thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập và đến gia đình giao các văn bản tố tụng, nhưng anh N nói là anh không về giải quyết, quan điểm của anh N là đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của chị P, giao cháu U cho anh nuôi dưỡng theo quyết định tại bản án trước đây của Tòa án.

- Ngày 17/9/2018, Tòa án nhân dân huyện B đã nhận được phong bì thư chuyển phát nhanh số ED 731264240VN, bên trong bì thư có 01 đơn đề nghị của anh N, tại phần người gửi trên bì thư có ghi tên người gửi là Lê Văn N, địa chỉ: Xóm 7, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Tại biên bản làm việc với Bưu điện huyện B ngày 21/9/2018, đại diện Bưu điện cho biết theo địa chỉ được đóng dấu trên bì thư là Bưu điện Láng Le; qua tra cứu xác định bì thư được gửi từ Bưu điện Láng Le, có địa chỉ tại: Đường Trần Đại Nghĩa, phường Tân Nhựt, quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2018, ông Nguyễn Văn T là bố đẻ chị P đã trình bày ông bà chỉ có hai con gái, chị P là con cả, em gái chị P hiện đang du học tại Nhật Bản; ông bà thường xuyên giúp đỡ và cùng chị P chăm sóc các cháu, hiện tại cuộc sống của các cháu rất ổn định. Kể từ khi ly hôn chị P đến nay

thì anh N và gia đình chỉ đến thăm các cháu một lần vào khoảng tháng 4/2017, kể từ đó anh N không đến thăm các cháu cũng không gửi tiền hay quà gì cho các cháu. Gia đình ông chưa khi nào ngăn cản việc anh N đến thăm con.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Kể từ sau khi anh N và chị P ly hôn thì cháu U không về sống cùng anh N mà vẫn ở với chị P, cuộc sống rất ổn định, cháu được chị P chăm sóc chu đáo; trong quá trình giải quyết vụ án chị P đã thể hiện được nguyện vọng tha thiết được nuôi cháu, đồng thời chị P chứng minh được điều kiện thu nhập của bản thân, điều kiện sinh hoạt hàng ngày cũng như điều kiện chăm lo sức khỏe và học hành cho cháu U. Trước đây, trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, anh N chứng minh được việc anh có công việc tại địa phương xã B và cho thu nhập ổn định nên Tòa án đã giao cho anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, nhưng kể từ khi ly hôn xong thì anh N đi miền Nam làm ăn, không có mặt tại địa phương, anh N đã làm đơn đề nghị thi hành án để được quyền nuôi cháu Uyên, nhưng Chi cục Thi hành án dân sự huyện B chưa thi hành được vì cháu U mới phát hiện ra bị bệnh tim phải điều trị và sẽ làm phẫu thuật, chị P thương con nên không giao cháu U cho anh N nuôi dưỡng. Nay chị P tha thiết xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chữa bệnh ổn định cho cháu U. Xét thấy, cháu U là con gái, đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu đang học tập ổn định tại lớp 3A4 trường tiểu học xã T, cháu lại đang bị bệnh tim, sức khỏe yếu nên cháu rất cần sự quan tâm, gần gũi, chăm sóc trực tiếp và thường xuyên của bố hoặc mẹ, trong khi đó anh N lại đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà, không có nơi ăn chỗ ở ổn định nên việc trực tiếp chăm sóc, chữa bệnh cho cháu sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù chị P đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Tuấn K theo bản án ly hôn trước đây, nhưng chị P đã chứng minh được hiện chị có đủ khả năng và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm lo, chữa bệnh cho cháu U. Tại biên bản làm việc với các đoàn thể, hội phụ nữ, đại diện chính quyền địa phương xã T và xã B, cũng như đại diện trường tiểu học xã T đều đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của cháu U để đảm bảo sự ổn định và điều kiện sống tốt nhất cho cháu. Do vậy, để tạo điều kiện cho cháu U có cuộc sống ổn định về nơi ăn chỗ ở cũng như việc học tập, ổn định về tâm lý và việc khám chữa bệnh cho cháu, Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu U cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Đối với tiền cấp dưỡng nuôi con chung khi thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã giải thích cho chị P biết về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; đây cũng là quyền lợi cho cháu U sau này nhưng chị P vẫn không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu U cho chị, với lý do hiện chị có nghề làm vàng mã thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ, ngoài ra chị còn đi chở thuê thức ăn chăn nuôi cho đại lý thức ăn chăn nuôi do bà Nguyễn Thị Sơn làm chủ, thu nhập mỗi tháng 3.500.000đ, nên chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chi trả tiền khám chữa bệnh cho cháu U mà không cần sự đóng góp của anh N. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của

đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết vấn đề này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị P, nên anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao cháu Lê Ngọc Bảo U, sinh ngày 05/7/2010 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối cháu U.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị P số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam theo biên lai số AA/2015/0001139 ngày 25/7/2018.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị P biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh N biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Bình Nghĩa;
- UBND xã Trảng An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thị Kim Ngân
(Đã ký)

